TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:77/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2021
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Lê Đức Dũng**
2. Bà **Trương Thị Thanh Hương**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Dương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Văn Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 249/2021/TLST- HNGĐ ngày 25/10/2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/12/2021 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1990 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: ấp 4, xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Thế K**, sinh năm 1983 *(vắng mặt).*
Địa chỉ: ấp 4, xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/10/2021, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Thể Kim tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2008 tại UBND xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Cuộc sống chung hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã nhiều lần sống ly thân rồi lại về chung sống lại với nhau và lần ly thân gần nhất là từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, mỗi lần anh K say rượu lại kiếm chuyện gây lộn, đánh đập chị và không tin tưởng chị. Chị không còn yêu thương anh nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh K.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Trần Ngọc Thanh T, sinh ngày 26/6/2009 và Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/9/2011. Theo đơn khởi kiện ban đầu thì chị yêu cầu được nuôi cháu T, giao cháu N cho anh K nuôi dưỡng. Tuy nhiên, nay chị xác định lại xin giao cả hai người con chung cho anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng chị cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng/cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai, lời khai trong hồ sơ, bị đơn anh Trần Thế Kim trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh thừa nhận cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, chị H không chung thủy, khi anh nhắc nhở thì chị H hứa sẽ thay đổi nhưng sau đó chị vẫn không thay đổi. Chị nhiều lần bỏ nhà đi, lần gần đây nhất là vào tháng 4 năm 2021, khi chị đi với người đàn ông khác bị anh phát hiện thì bỏ đi cho đến nay. Anh không còn tình cảm với chị, nhưng anh không đồng ý ký ly hôn vì ảnh hưởng đến việc học tập của các con và vấn đề tôn giáo. Trường hợp Toà án chấp nhận giải quyết cho chị H ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:**

Bản tự khai (bản chính); chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao chứng thực); giấy khai sinh của hai con chung (bản sao); giấy đăng ký kết hôn (bản chính); các biên bản lấy lời khai (bản chính).

*** Quan điểm của Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ**: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị H và anh K ly hôn; về con chung: giao cháu T và Nguyên cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng chị H cấp dưỡng cho 2 con chung với mức 2.000.000đồng/tháng; về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trần Thế K, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đây là vụ án về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trần Thế K có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại ấp 4, xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Trần Thế K có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai vào năm 2008, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H nhận thấy:

Theo lời trình bày của chị H thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, mỗi lần say rượu anh K bạo hành đối với chị. Tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Anh K không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn hoàn toàn như chị H trình bày, cho rằng chị không chung thủy và xác định không còn tình cảm với chị H. Anh không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến việc học tập của các con và vấn đề tôn giáo.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kéo dài thời gian hòa giải cho anh chị nhưng không thành, chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh K. Xét thấy anh chị đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh K.

[5] Về con chung: chị H và anh K thống nhất giao cháu T và Nguyên cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn. Đây là thỏa thuận của anh chị và phù hợp với nguyện vọng của cháu T và Nguyên nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh K yêu cầu chị H hàng tháng cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng/2con (mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng) và chị H đồng ý mức cấp dưỡng này nên ghi nhận sự thỏa thuận về mức cấp dưỡng này của anh chị.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: do không ai yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: chị H phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 9, Điều 11, Điều 85; khoản 1 Điều 89, Điều 91, 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Thế K.

- Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Thanh T, sinh ngày 26/6/2009 và Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/9/2011 cho anh Trần Thế K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T với mức 1.000.000 (*một triệu*) đồng/tháng và cấp dưỡng cho cháu N với mức 1.000.000 (*một triệu*) đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp thành tiền án phí theo biên lai số 0000762 ngày 21/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Chị H còn phải nộp thêm 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND. tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND H. Cẩm Mỹ;*
- *Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã S;*
- *Lưu án văn;*
- *Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải Yến